

Số: 19/2024/QĐDS- ST

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

Về việc: “*Yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu*”

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V – HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Đức Thương** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B V - thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên họp: Bà **Cần Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 04 năm 2024 tại Phòng họp Tòa án nhân dân Huyện B V mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST - VDS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về yêu cầu: “*Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp số: 15/2024/QĐPH - ST ngày 27 tháng 03 năm 2024.

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trần Thị Th, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Đ A, xã Th A, huyện B V, TP Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trương Xuân Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Đ A, xã Th A, Huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Anh Th xin vắng mặt tại phiên họp)

- Anh Trương Xuân Tr, sinh năm 1980

Đều có địa chỉ: Thôn Đ A, xã Th A, huyện B V, TP Hà Nội.

(Anh Tr có mặt tại phiên họp)

- Chị Trương Thị Xuân H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B L, xã T Ph, huyện B V, TP Hà Nội.

(Chị H xin vắng mặt tại phiên họp)

- Phòng công chứng số: 10 thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Hằng Ng - chức vụ: Trưởng phòng.

Địa chỉ: Khu hành chính II, thị trấn T Đ, Huyện B V, thành phố Hà Nội.

(Bà Ng xin vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu tuyên bố vắng mặt kê khai nhận di sản thừa kế “Vô hiệu” đề ngày 11/01/2024 của bà Trần Thị Th trình bày: Bà Th có chồng tên là Trương Công Th, sinh năm 1949, mất năm 2012. Vợ, chồng bà Th có 03 người con chung gồm: Anh Trương Xuân Th, sinh năm 1976, anh Trương Xuân Tr, sinh năm 1980, chị Trương Thị Xuân H, sinh năm 1984.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng bà Th, ông Th có tạo lập được khối tài sản chung gồm 04 thửa đất: Thửa đất thứ nhất: Thửa số 148, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 3.608m² trong đó đất vườn 3.308m², đất ở: 300m². Thửa đất thứ hai: Thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 20, diện tích 270m² thuộc đất vườn. Thửa đất thứ ba: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m². Thửa đất thứ tư: Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m². Cả 04 thửa đất đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri A: 924106, số vào sổ cấp: 00216/QSDD/ TA, cấp ngày 28/08/1991 đứng tên ông Trương Công Th, diện tích đất là: 4.478m² tại thôn Đ L, xã Th A, TP Hà Nội. Đến năm 2012 ông Trương Công Th chết không để lại di chúc về tài sản nên bà Th cùng 03 người con là: Trương Xuân Th, Trương Xuân Tr, Trương Thị Xuân H đã đến Văn phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội để lập văn bản kê khai nhận về di sản thừa kế. Tại Văn bản kê khai về di sản thừa kế số: 42, quyền số 02, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội đã ghi nhận di sản thừa kế theo pháp luật của gia đình bà gồm 04 thửa đất như trên. Tuy nhiên đến năm 2016 do chính sách dồn điền đổi thửa của Nhà nước, của huyện B V thì các thửa đất nông nghiệp (Trước đây ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất kinh gia đình gồm 02 thửa là: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m² và Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m²) đã được dồn điền đổi thửa vào các thửa đất khác. Cụ thể diện tích đất của hai thửa đất này hiện nay đã được dồn điền, đổi

thừa và đã được UBND huyện B V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho đứng tên hộ bà Trần Thị Th năm 2016 là thửa đất số: 3-2, tờ bản đồ số: 1, diện tích đất 2.389m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà Trần Thị Th, số seri: CG 807472, số vào sổ cấp: 01231- NN, ngày 20/12/2016. Như vậy văn bản kê khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 02, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội không còn phù hợp với hiện trạng đất thực tế của gia đình bà Th. Vì vậy bà Th làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B V tuyên bố Văn bản kê khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 01, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu” để gia đình bà Th làm lại các giấy tờ liên quan đến thửa đất mới.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Xuân Th, anh Trương Xuân Tr, chị Trương Thị Xuân H là con của bà Trần Thị Th đều trình bày quan điểm đồng ý với quan điểm của bà Trần Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện B V tuyên bố Văn bản kê khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 02, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng công chứng số 10- Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Hằng Ng trình bày quan điểm: Năm 2013 Phòng công chứng số 10 nhận được yêu cầu mở thừa kế di sản của ông Trương Công Th theo hồ sơ mà bà Trần Thị Th cùng các con là Trương Xuân Th, Trương Xuân Tr, Trương Thị Xuân H. Theo đó gia đình bà Th đề nghị Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội mở thừa kế theo pháp luật phần di sản thừa kế của ông Trương Công Th gồm 04 thửa đất:

Thửa đất thứ nhất: Thửa số 148, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 3.608m² trong đó đất vườn 3.308m², đất ở: 300m²; Thửa đất thứ hai: Thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 20, diện tích 270m² thuộc đất vườn; Thửa đất thứ ba: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m² (đất kinh tế gia đình); Thửa đất thứ tư: Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m² (đất kinh tế gia đình). Cả 04 thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri: A 924106, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00216/ QSDĐ/ TA được UBND huyện B V cấp ngày 28/08/1991 đứng tên ông Trương Công Th. Diện tích đất là: 4.478m² tại địa chỉ: thôn Đ L, xã Th A, huyện B V, TP Hà Nội. Sau khi kiểm tra theo đúng quy trình quy định, Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội đã thụ lý hồ sơ và công chứng việc thừa kế di sản của ông Trương Công Th gồm 04 thửa đất nêu trên tại Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 01 TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội. Đến năm 2016 do chính sách dồn điền đổi thửa thì các thửa đất nông nghiệp (trước đây ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất kinh tế gia đình gồm 02 thửa là: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m² và

thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m² đã được dồn điền đổi thửa. Cụ thể diện tích đất của hai thửa đất này hiện nay đã được dồn điền đổi thửa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sê ri: CG 807472, số vào sổ: 01231-NN được UBND huyện B V cấp ngày 20/12/2016 đứng tên bà Trần Thị Th thửa đất số: 3-2, tờ bản đồ số: 1, diện tích đất 2.389 m². Như vậy Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 01, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội không còn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Th xuất trình. Vì vậy Phòng công chứng số 10 đồng ý với việc bà Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện B V tuyên Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 01 TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu” để gia đình bà Th làm lại các giấy tờ liên quan đến các thửa đất. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nga xin được vắng mặt vì điều kiện công việc bận.

Tại phiên họp hôm nay, bà Trần Thị Th và anh Trương Xuân Tr giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số: 01 TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu”.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B V, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết yêu cầu việc “ Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” của bà Th như sau: Về tố tụng: Trong quá trình tiếp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị Th, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng thời gian luật định và việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu được thực hiện theo Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Huyện B V chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố: “Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số: 01 TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu”.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả trình bày của người yêu cầu tại phiên họp và ý kiến của kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Th có địa chỉ cư trú tại huyện B V. Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số 02 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 6 Điều 27, điểm a, khoản 2, Điều 35 và điểm m, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B V, thành

phố Hà Nội. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung yêu cầu: Bà Trần Thị Th có chồng tên là: Trương Công Thoảng, sinh năm 1949, mất năm 2012. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà Th có 03 người con chung gồm: Anh Trương Xuân Th, anh Trương Xuân Tr, chị Trương Thị Xuân H. Trong quá trình chung sống vợ, chồng bà Th, ông Th có tạo lập được khối tài sản chung gồm 04 thửa đất: Thửa đất thứ nhất: Thửa số 148, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 3.608m² trong đó đất vườn 3.308m², đất ở: 300m². Thửa đất thứ hai: Thửa đất số: 81, tờ bản đồ số 20, diện tích 270m² thuộc đất vườn. Thửa đất thứ ba: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m². Thửa đất thứ tư: Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m². Cả 04 thửa đất đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri A: 924106, số vào sổ: 00216/ QSDĐ/ TA, cấp ngày 28/08/1991 đứng tên ông Trương Công Th, diện tích đất là: 4.478m² tại thôn Đ L, xã Thụy An, TP Hà Nội. Đến năm 2012 ông Trương Công Th chết không để lại di chúc nên năm 2013 bà Th và các con đã làm Văn bản khai nhận di sản thừa kế thừa kế gồm 04 thửa đất trên tại Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội. Tuy nhiên đến năm 2016 do chính sách dồn điền đổi thửa của huyện B V thì các thửa đất nông nghiệp (*Trước đây ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất kinh gia đình gồm 02 thửa là: Thửa đất số: 167, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 280m² và Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 312m²*) đã được dồn điền đổi thửa vào các thửa đất khác. Cụ thể diện tích đất của hai thửa đất này hiện nay đã được dồn điền, đổi thửa và đã được UBND huyện B V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho bà Trần Thị Th năm 2016 là thửa đất số: 3-2, tờ bản đồ số: 1, diện tích đất 2.389m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà Trần Thị Th, số seri: CG 807472, số vào sổ : 01231- NN, ngày 20/12/2016. Như vậy văn bản kê khai về di sản thừa kế số: 42, quyền số 01, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội không còn phù hợp với hiện trạng đất thực tế sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Th. Vì vậy bà Trần Thị Th yêu cầu tuyên văn bản công chứng số: 42, quyền số 01, lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 “Vô hiệu” là phù hợp với quy định tại Điều 52 Luật công chứng nên được chấp nhận.

3. Về lệ phí: Bà Trần Thị Th thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 6, Điều 27, điểm a, khoản 2, Điều 35 và điểm m, khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 52 Luật công chứng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị Th về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 42, quyền số: 01 TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu”.

2. Tuyên bố 42, quyền số: 01 TP/CC- SCC/HĐGD lập ngày 30/01/2013 của Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội “Vô hiệu”.

3. Về lệ phí: Bà Trần Thị Th thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Th, anh Tr có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Anh Th, chị H, Phòng công chứng số 10 thành phố Hà Nội có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B V có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TANDTP Hà nội
- VKSND huyện B V
- Chi cục THA B V
- Phòng công chứng số 10 Hà Nội
- Lưu HS,VP

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Thưởng

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện BV
- Chi cục THA BV
- UBND xã Minh Châu
- Lưu HSVP

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Thương